

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU THỐNG NHẤT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *128*/CBTT-TRC

Bà Rịa, ngày 14 tháng 03 năm 2024.

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

- Mã chứng khoán: TNC

- Địa chỉ: Số 256, đường 27/4, P. Phước Hưng, TP Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa-Vũng
Tàu

- Điện thoại liên hệ: 02543.823119

Fax: 02543.823120

- E-mail: thongnhat.trc@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính năm 2023 đã được soát xét.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/03/2024 tại đường dẫn <http://trc.com.vn/quanhecodong.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:
Báo cáo tài chính năm 2023 đã được
soát xét.

Đại diện tổ chức
Người ủy quyền công bố thông tin



Nguyễn Nhật Thành Lâm

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

**Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023**

Mã số doanh nghiệp: **3500100424**



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1-2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng cân đối kế toán	4-5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	8-26



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023.

1. Công ty

Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 3500100424 (số cũ là 4903000263) ngày 26 tháng 6 năm 2006 và thay đổi lần thứ tư ngày 4 tháng 7 năm 2022 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, tên giao dịch quốc tế là Thong Nhat Rubber Joint Stock Company (TRC) và vốn điều lệ của công ty cổ phần là 192,5 tỷ VND.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TNC.

Văn phòng chính của Công ty được đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Hoạt động chính của Công ty là trồng và khai thác cao su, chuối; chế biến và kinh doanh các loại cao su và nông sản.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Giám đốc trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm :

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hữu Mạnh Nhưông	Chủ tịch
Ông Nguyễn Nhật Thành Lâm	Phó chủ tịch
Ông Đỗ Khắc Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thoại	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 22 tháng 6 năm 2023)
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên
Ông Phan Văn Phú	Thành viên
Ông Phạm Anh Sơn	Thành viên
Ông Lê Trung Đức	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 26 tháng 9 năm 2023)

Ủy ban Kiểm toán

Ông Nguyễn Thanh Bình	Trưởng ban
Ông Phạm Anh Sơn	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Nhật Thành Lâm	Tổng Giám đốc
---------------------------	---------------

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán BDO được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5. Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ thích hợp để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

6. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chúng tôi giao cho Ông Nguyễn Nhật Thành Lâm, Tổng Giám đốc của Công ty trực tiếp ký phê duyệt trên toàn bộ báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 được đính kèm.



Thay mặt Hội đồng Quản trị

Ông NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TP. Bà Rịa, ngày 14 tháng 3 năm 2024

Số : HCM.TNRUB.230028

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cổ phần Cao Su Thống Nhất**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất ("Công ty"), được lập ngày 14 tháng 3 năm 2024 từ trang 4 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

NGUYỄN THỊ THUY NGÀ
Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0428-2023-038-1

TRẦN CẨM LINH
Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 5403-2021-038-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO – CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		202.569.925.259	242.318.067.447
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10.619.756.382	3.983.258.871
Tiền	111	4.1	10.619.756.382	3.983.258.871
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	136.100.000.000	165.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		136.100.000.000	165.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.010.234.345	21.434.899.867
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	7.111.095.895	18.657.185.445
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	1.116.431.709	589.045.918
Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	9.079.531.676	7.105.493.439
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(5.296.824.935)	(4.916.824.935)
Hàng tồn kho	140	4.7	42.658.057.427	51.883.748.066
Hàng tồn kho	141		42.658.057.427	51.883.748.066
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.181.877.105	16.160.643
Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.13	-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	1.181.877.105	16.160.643
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		164.159.298.652	161.691.555.908
Tài sản cố định	220		111.827.864.265	88.131.531.923
Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	111.827.864.265	88.131.531.923
Nguyên giá	222		196.638.001.830	176.458.181.744
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(84.810.137.565)	(88.326.649.821)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		340.000.000	340.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(340.000.000)	(340.000.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		16.865.793.308	40.188.283.718
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.9	16.865.793.308	40.188.283.718
Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	31.611.175.704	30.511.175.704
Đầu tư dài hạn khác	253		26.811.175.704	26.811.175.704
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		4.800.000.000	3.700.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		3.854.465.375	2.860.564.563
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	3.854.465.375	2.860.564.563
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		366.729.223.911	404.009.623.355

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẬT
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		34.194.957.296	60.237.278.484
Nợ ngắn hạn	310		34.194.957.296	51.237.278.484
Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	1.493.301.662	1.037.111.326
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	5.572.115.798	80.374.998
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	987.828.358	5.557.999.963
Phải trả người lao động	314		8.928.179.710	8.294.774.382
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	271.228.600	312.369.143
Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	2.158.878.255	3.232.943.379
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.16	-	20.000.000.000
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	4.17	14.783.424.913	12.721.705.293
Nợ dài hạn	330		-	9.000.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	4.15	-	9.000.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.18	332.534.266.615	343.772.344.871
Vốn chủ sở hữu	410		332.534.266.615	343.772.344.871
Vốn cổ phần	411		192.500.000.000	192.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		192.500.000.000	192.500.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		105.832.657.290	95.474.011.654
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		34.201.609.325	55.798.333.217
- Các năm trước	421a		1.362.920.081	4.005.105.033
- Năm hiện hành	421b		32.838.689.244	51.793.228.184
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		366.729.223.911	404.009.623.355



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
 Tổng giám đốc
 TP. Bà Rịa, ngày 14 tháng 3 năm 2024

TRẦN HỮU TRÍ
 Kế toán trưởng

ĐINH TẤN THÔNG TIN
 Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		129.522.967.763	97.357.827.747
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	5.1	129.522.967.763	97.357.827.747
Giá vốn hàng bán	11	5.2	107.949.763.564	75.252.364.250
Lợi nhuận gộp	20		21.573.204.199	22.105.463.497
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	24.443.663.773	32.892.020.950
Chi phí tài chính	22	5.4	465.781.370	124.270.164
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		465.781.370	124.270.164
Chi phí bán hàng	25	5.5	1.822.039.246	2.702.568.650
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	11.306.331.737	9.657.439.211
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		32.422.715.619	42.513.206.422
Thu nhập khác	31	5.7	6.076.935.617	19.476.875.209
Chi phí khác	32	5.8	1.339.047.679	4.425.133.464
Lợi nhuận khác	40		4.737.887.938	15.051.741.745
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		37.160.603.557	57.564.948.167
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.9	4.321.914.313	5.771.719.983
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		32.838.689.244	51.793.228.184
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.10	1.392	2.167 (*)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.10	1.392	2.167 (*)

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2022 (năm trước) được trình bày lại trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm nay (thuyết minh 5.10)



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM

Tổng giám đốc

TP. Bà Rịa, ngày 14 tháng 3 năm 2024

TRẦN HỮU TRÍ

Kế toán trưởng

ĐINH TẤN THÔNG TIN

Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Mã số	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	37.160.603.557	57.564.948.167
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	9.712.740.483	9.415.054.070
Trích lập/(hoàn nhập) các khoản dự phòng	03	380.000.000	(22.364.000)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(29.949.002.534)	(49.490.710.018)
Chi phí lãi vay	06	465.781.370	124.270.164
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	17.770.122.876	17.591.198.383
Thay đổi các khoản phải thu	09	9.674.368.504	(7.934.284.645)
Thay đổi hàng tồn kho	10	4.755.273.599	(12.401.820.064)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(3.689.125.012)	(10.864.665.899)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(993.900.812)	3.376.355.699
Tiền lãi vay đã trả	14	(575.860.822)	(14.190.712)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.570.702.407)	(1.973.962.815)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(7.365.047.880)	(8.046.476.576)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	11.005.128.046	(20.267.846.629)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(6.795.354.757)	(11.733.707.935)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	6.684.528.143	18.751.586.788
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.100.000.000)	(3.200.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	28.900.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	22.648.244.329	36.025.084.838
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	50.337.417.715	39.842.963.691
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	10.000.000.000	22.830.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(30.000.000.000)	(2.830.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(34.706.048.250)	(38.496.594.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(54.706.048.250)	(18.496.594.250)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	6.636.497.511	1.078.522.812
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	3.983.258.871	2.904.736.059
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	10.619.756.382	3.983.258.871



(Handwritten signature)

(Handwritten signature)

NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
 Tổng giám đốc
 TP. Bà Rịa, ngày 14 tháng 3 năm 2024

TRẦN HỮU TRÍ
 Kế toán trưởng

ĐINH TẤN THÔNG TIN
 Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước – Công ty Cao su Thống Nhất - theo Quyết định số 22/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 1 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới một số doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và theo Quyết định số 4993/QĐ.UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ngày 26 tháng 6 năm 2006, Công ty Cao su Thống Nhất chính thức chuyển thành Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất và hoạt động theo chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 3500100424 (số cũ là 4903000263) ngày 26 tháng 6 năm 2006 và thay đổi lần thứ tư từ ngày 4 tháng 7 năm 2022 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, tên giao dịch quốc tế là Thong Nhat Rubber Joint Stock Company (TRC) và vốn điều lệ của công ty cổ phần là 192,5 tỷ VND.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TNC.

Văn phòng chính của Công ty được đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty:

- Nông trường cao su Hòa Bình 2;
- Nhà máy chế biến cao su Bàu Non;
- Đội cao su Phong Phú;
- Đội nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thống Nhất;
- Xí nghiệp chế biến nông sản Phước Hưng (chấm dứt hoạt động từ ngày 11 tháng 7 năm 2023).

Trong năm tài chính này, hoạt động chủ yếu của Công ty là trồng và khai thác cao su, chuối; chế biến và kinh doanh các loại cao su và nông sản.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, số lượng công nhân viên của Công ty là 275 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 251 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành khác tại Việt Nam đòi hỏi Ban giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về tài sản, nợ và việc trình bày các khoản tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

3.2 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 20 năm
Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	5 - 7 năm
Dụng cụ quản lý	4 - 7 năm
Vườn cây lâu năm (được đề cập tại thuyết minh 3.7 dưới đây)	

3.6 Tài sản cố định vô hình

Phần mềm quản lý vườn cây được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và đã được khấu hao hết.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

3.7 Vườn cây lâu năm

Vườn cây cao su đưa vào khai thác

Nguyên giá của vườn cây cao su khi đưa vào khai thác được xác định dựa trên diện tích và số cây khai thác nhân với suất đầu tư. Khi thanh lý vườn cây cao su, chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị còn lại của vườn cây cao su được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Khấu hao của vườn cây cao su được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian khai thác ước tính từ 15 đến 20 năm.

3.8 Xây dựng cơ bản dở dang (“XDCB”)

Vườn cây cao su

Vườn cây cao su trong giai đoạn đầu tư được ghi nhận như chi phí xây dựng cơ bản dở dang và không trích khấu hao cho đến khi vườn cây cao su và mít được đưa vào khai thác.

Xây dựng cơ bản dở dang khác

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành, mua sắm máy móc thiết bị chưa nghiệm thu và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

3.9 Chi phí trả trước dài hạn

Các chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí cải tạo nhà máy và cơ sở hạ tầng của nông trường cao su và chi phí liên quan đến dự án trồng chuối. Các chi phí này được phân bổ kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian trả trước hoặc khoảng thời gian của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này trong vòng 5 năm.

3.10 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản mà Ban giám đốc có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu ngân hàng. Các khoản đầu tư này được thể hiện theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận góp vốn phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp lỗ đã được dự kiến khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận góp vốn đã tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho khoản lỗ đã được lập dự phòng trước đây.

3.11 Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

3.12 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận là các chi phí phát sinh trong năm nhưng đến cuối năm chưa chi trả và việc ghi nhận chi phí phải trả phải được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

3.13 Thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại như thuê hoạt động khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thuê hoạt động.

3.14 Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Công ty và Công ty TNHH MTV Minh Quyền ("Minh Quyền") hợp tác thực hiện dự án trồng chuối cấy mô và mít ứng dụng công nghệ cao theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HTKD") ngày 31 tháng 7 năm 2018 và phụ lục số 01/PLHĐ/2021 ngày 7 tháng 7 năm 2021, theo đó:

- Vốn góp mỗi bên lần lượt là 6 tỷ VND và 9 tỷ VND, tương đương tỷ lệ vốn góp của mỗi bên là 40:60;
- Lợi nhuận sau thuế từ dự án này được chia theo tỷ lệ mỗi bên là 55:45;
- Thời gian hợp tác là 10 năm từ 1 tháng 8 năm 2018 đến 31 tháng 7 năm 2028.

Vào ngày 26 tháng 5 năm 2023, căn cứ theo Biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2023/TLHĐHTKD ngày 26 tháng 5 năm 2023 giữa Công ty và Công ty TNHH Minh Quyền, hai bên thống nhất chấm dứt hợp tác kinh doanh và quyết toán kết quả kinh doanh cho dự án từ năm 2019 đến năm 2022 với lợi nhuận là 1.237.142.713 VND, khoản góp vốn 9 tỷ VND của Minh Quyền đã được Công ty hoàn trả trong 6 tháng đầu năm 2023. Phần lợi nhuận đến ngày 26 tháng 5 năm 2023 sẽ được Công ty hoàn trả sau khi được Đại hội đồng cổ đông năm 2024 thông qua.

Kế toán đối với các hợp đồng hợp tác kinh doanh này như sau:

- Khoản vốn mà Công ty nhận được từ đối tác được ghi nhận và trình bày trong khoản mục "phải trả dài hạn khác" trên Bảng cân đối kế toán, trong trường hợp nếu khoản vốn góp phải hoàn trả cho đối tác trong vòng 12 tháng tới sẽ được trình bày như khoản "phải trả ngắn hạn khác" trên Bảng cân đối kế toán.
- Doanh thu, chi phí và lợi nhuận liên quan đến hoạt động từ hợp tác kinh doanh này được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty là các khoản tương ứng phần được chia/được phân bổ theo thỏa thuận của HTKD.

3.15 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Doanh thu từ cổ tức được chia

Doanh thu từ cổ tức được chia được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

3.16 Quỹ tiền lương

Tiền lương được tính và ghi nhận vào chi phí trong năm tài chính này căn cứ theo Quyết định giao đơn giá tiền lương năm 2023 của Hội đồng Quản trị Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập nhằm phục vụ việc đầu tư mở rộng của Công ty;
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập để khen thưởng và nâng cao phúc lợi cho nhân viên, ban điều hành và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu là lãi trên cổ phiếu có tính đến tác động của công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu, được tính bằng cách lấy lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm.

3.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế. Riêng đối với các hoạt động trồng trọt, chế biến nông sản thực hiện tại Nông trường Hoà Bình 2, Nông trường Phong Phú thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn (huyện Châu Đức và huyện Xuyên Mộc), Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận chịu thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

3.20 Các bên có liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động, các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan :

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH Hưng Nhơn (đến hết ngày 22 tháng 6 năm 2023)	Bà Rịa, Việt Nam	Cổ đông
Công ty TNHH Phân bón Hữu cơ Bách Tùng	Bà Rịa, Việt Nam	Bên liên quan
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ và Dịch vụ Sáng Tạo	TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bên liên quan

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	592.351.310	534.207.595
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	10.027.405.072	3.449.051.276
	10.619.756.382	3.983.258.871

4.2 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với lãi suất từ 5,2% - 9,0%/ năm	136.100.000.000	165.000.000.000
	136.100.000.000	165.000.000.000

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
<i>Đầu tư dài hạn khác</i>		
Góp vốn vào Công ty Baria Serece	26.811.175.704	26.811.175.704
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>		
Trái phiếu ngân hàng (kỳ hạn 7 năm)	500.000.000	500.000.000
Trái phiếu ngân hàng (kỳ hạn 8 năm)	4.300.000.000	3.200.000.000
	31.611.175.704	30.511.175.704

Khoản vốn góp trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất nhập khẩu Nông lâm sản và Phân bón Baria Serece là 1.796.000 USD tương đương với 26.811.175.704 VND theo tỷ giá tại thời điểm góp vốn, chiếm tỷ lệ 12% vốn điều lệ của công ty này. Trong năm 2023, Công ty được chia và nhận được cổ tức từ khoản đầu tư này là 12.322.484.535 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

4.3 Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Công ty TNHH Phát Hưng Tây Ninh	4.079.180.000	4.089.180.000
Nguyễn Tấn Lộc	-	12.398.400.000
Công ty Cổ phần Cao Su Hòa Bình	1.534.680.000	-
Trần Tuấn Thành	780.000.000	803.266.000
Các khách hàng khác	717.235.895	1.366.339.445
Cộng phải thu khách hàng	7.111.095.895	18.657.185.445
Dự phòng phải thu khó đòi (thuyết minh 4.6)	(4.979.004.935)	(4.599.004.935)
Giá trị thuần	2.132.090.960	14.058.180.510

4.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Đất Đỏ	340.000.000	340.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn và Thẩm định giá Đông Nam	82.500.000	82.500.000
Công ty TNHH Dịch vụ Công nghiệp Duy Phát	-	63.180.000
Công ty TNHH XD TM Sản xuất Uy Long	387.172.510	-
Công ty CP Công nghệ Sinh học Cây giống Việt Nam	188.978.190	-
Khác	117.781.009	103.365.918
	1.116.431.709	589.045.918

4.5 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Lãi dự thu	7.969.625.000	6.174.205.556
Tạm ứng nhân viên	18.000.000	18.000.000
Ký quỹ thuê máy photo	5.000.000	5.000.000
Phải thu khác	1.086.906.676	908.287.883
Cộng phải thu khác	9.079.531.676	7.105.493.439
Dự phòng phải thu khó đòi (thuyết minh 4.6)	(317.820.000)	(317.820.000)
Giá trị thuần	8.761.711.676	6.787.673.439

4.6 Nợ quá hạn và Dự phòng phải thu khó đòi

	Số dư nợ quá hạn VND	31/12/2023 trong đó, lập dự phòng VND	Số dư nợ quá hạn VND	31/12/2022 trong đó, lập dự phòng VND
Phải thu khách hàng	5.576.415.895	4.979.004.935	4.599.004.935	4.599.004.935
Phải thu khác	317.820.000	317.820.000	317.820.000	317.820.000
	5.894.235.895	5.296.824.935	4.916.824.935	4.916.824.935

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, trong số dư nợ quá hạn bao gồm 4.397.000.000 VND là khoản phải thu từ Công ty TNHH Phát Hưng Tây Ninh phát sinh từ năm 2006 và 509.824.935 VND là khoản nợ khó đòi từ các khách hàng của Nhà máy chế biến thức ăn gia súc Hưng Long.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

4.6 Nợ quá hạn và Dự phòng phải thu khó đòi (tiếp theo)

Tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	4.916.824.935	4.939.188.935
Trích lập/(hoàn nhập) trong năm	380.000.000	(22.364.000)
Số dư cuối năm	5.296.824.935	4.916.824.935

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản nợ phải thu khó đòi đã được xóa nợ trong vòng 10 năm trở lại đây là 323.970.569 VND.

4.7 Hàng tồn kho

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Nguyên vật liệu	5.433.361.027	3.714.514.556
Công cụ dụng cụ	2.159.159.558	960.337.560
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	27.883.386.884	10.636.778.563
Thành phẩm	7.182.149.958	36.572.117.387
Cộng giá gốc hàng tồn kho	42.658.057.427	51.883.748.066
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
	42.658.057.427	51.883.748.066

4.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Vườn cây cao su VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số dư 01/01/2023	64.272.198.394	24.096.810.690	6.508.042.079	417.850.894	81.163.279.687	176.458.181.744
Mua trong năm	-	-	-	74.981.818	-	74.981.818
Tăng từ XDCB	8.119.159.864	-	-	-	26.932.037.373	35.051.197.237
Thanh lý và xóa sổ	(6.667.650.947)	(6.804.638.348)	-	(76.249.091)	(1.397.820.583)	(14.946.358.969)
Số dư 31/12/2023	65.723.707.311	17.292.172.342	6.508.042.079	416.583.621	106.697.496.477	196.638.001.830
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư 01/01/2023	43.178.998.667	21.397.844.489	5.043.246.371	397.773.621	18.308.786.673	88.326.649.821
Khấu hao trong năm	3.787.623.782	679.917.985	600.848.618	12.353.636	4.843.100.810	9.923.844.831
Thanh lý và xóa sổ	(6.417.537.885)	(6.566.486.136)	-	(76.249.091)	(380.083.975)	(13.440.357.087)
Số dư 31/12/2023	40.549.084.564	15.511.276.338	5.644.094.989	333.878.166	22.771.803.508	84.810.137.565
Giá trị còn lại						
Ngày 01/01/2023	21.093.199.727	2.698.966.201	1.464.795.708	20.077.273	62.854.493.014	88.131.531.923
Ngày 31/12/2023	25.174.622.747	1.780.896.004	863.947.090	82.705.455	83.925.692.969	111.827.864.265

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 41.996.371.908 VND (31 tháng 12 năm 2022 là 49.521.927.982 VND).

Trong năm, Công ty đã thanh lý vườn cây cao su gãy đổ tại Nông trường Phong Phú và Hòa Bình 2 và chi tiết như sau :

Nông trường/Đội	Số lượng cây	Nguyên giá VND	Giá trị hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
- Phong Phú	10.071	1.377.170.724	(379.165.993)	998.004.731
- Hòa Bình 2	148	20.649.859	(917.982)	19.731.877
	10.219	1.397.820.583	(380.083.975)	1.017.736.608

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Vào ngày 01/01/2023 VND	Tăng trong năm VND	Kết chuyển TSCĐ VND	Vào ngày 31/12/2023 VND
Vườn cây cao su tại Nông trường Hòa Bình 2	34.623.310.835	4.302.341.335	(26.932.037.373)	11.993.614.797
Vườn cây cao su tại Nông trường Phong Phú	2.576.765.316	376.764.754	-	2.953.530.070
Chi phí XDCB khác	2.988.207.567	7.049.600.738	(8.119.159.864)	1.918.648.441
	40.188.283.718	11.728.706.827	(35.051.197.237)	16.865.793.308

4.10 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	286.658.831	312.747.192
Chi phí cải tạo nhà máy và cơ sở hạ tầng của nông trường cao su	492.985.391	121.107.787
Chi phí liên quan dự án trồng chuối	2.938.589.111	2.242.000.190
Chi phí khác	136.232.042	184.709.394
	3.854.465.375	2.860.564.563

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước dài hạn như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	2.860.564.563	6.236.920.262
Tăng trong năm	4.670.112.292	1.924.938.122
Xóa sổ trong năm	(172.968.435)	-
Phân bổ trong năm	(3.503.243.045)	(5.301.293.821)
Số dư cuối năm	3.854.465.375	2.860.564.563

4.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Công ty TNHH Phân bón Kiến Khoa	-	431.970.000
Công ty TNHH Quốc Tế Nông nghiệp Vàng	-	231.478.000
Công ty TNHH Toàn Phát Lộc	781.555.027	114.750.009
Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình	156.344.685	-
Các nhà cung cấp khác	555.401.950	258.913.317
	1.493.301.662	1.037.111.326

4.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Công ty TNHH MTV Hồng Tường	5.384.971.200	-
Bùi Văn Quý	160.269.400	-
Các khách hàng khác	26.875.198	80.374.998
	5.572.115.798	80.374.998

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

4.13 Thuế

Thuế giá trị gia tăng (“GTGT”) được khấu trừ

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	-	466.341.934
Phát sinh trong năm:		
- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	2.481.488.559	2.161.375.100
- Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	(849.909.831)	(1.329.894.099)
- Thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ	(1.631.578.728)	(1.297.822.935)
Số dư cuối năm	-	-

Thuế và các khoản (phải thu)/phải nộp Nhà nước

	Vào ngày 01/01/2023 (phải thu)/phải trả VND	Phải nộp trong năm VND	Đã nộp trong năm VND	Vào ngày 31/12/2023 (phải thu)/phải trả VND
Thuế giá trị gia tăng	269.540.916	2.833.810.605	(3.006.498.812)	96.852.709
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	5.279.732.254	4.353.979.272	(8.743.802.117)	889.909.409
Thuế thu nhập cá nhân	7.395.913	622.133.274	(647.430.571)	(17.901.384)
Thuế tài nguyên	1.330.880	12.337.600	(12.602.240)	1.066.240
Tiền thuê đất	(16.160.643)	6.818.083.810	(7.965.898.888)	(1.163.975.721)
Lệ phí môn bài	-	9.000.000	(9.000.000)	-
Tổng cộng	5.541.839.320	14.649.344.561	(20.385.232.628)	(194.048.747)
Trong đó:				
Phải trả	5.557.999.963			987.828.358
Phải thu	(16.160.643)			(1.181.877.105)

(*) Thuế thu nhập phải nộp trong năm bao gồm:

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty	4.321.914.313
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Minh Quyền – đối tác của HTKD	32.064.959
	4.353.979.272

4.14 Chi phí phải trả

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Chi phí ăn giữa ca	167.496.000	149.789.691
Chi phí lãi vay	-	110.079.452
Chi phí khác	103.732.600	52.500.000
	271.228.600	312.369.143

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

4.15 Phải trả khác

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Ngắn hạn		
Cổ tức phải trả	1.275.162.968	1.331.211.218
Nhà thầu xây dựng ký quỹ bảo lãnh, bảo hành	336.120.740	404.546.250
Phải trả bên đối tác của HTKD - Minh Quyền	288.584.628	1.237.142.713
Phải trả khác	259.009.919	260.043.198
	2.158.878.255	3.232.943.379
Dài hạn		
Phải trả bên đối tác của HTKD - nhận góp vốn - Công ty TNHH MTV Minh Quyền	-	9.000.000.000
	-	9.000.000.000

Trong khoản phải trả ngắn hạn khác bao gồm 247.426.902 VND là công nợ thâm canh cà phê nhận bàn giao từ Công ty Cà phê Đồng Nai vào ngày 27 tháng 4 năm 1994 phải trả cho Tổng công ty Cà phê Việt Nam.

4.16. Vay ngắn hạn

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	20.000.000.000
	-	20.000.000.000

Tình hình tăng giảm khoản vay ngắn hạn như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	20.000.000.000	-
Vay trong năm	10.000.000.000	22.830.000.000
Trả nợ vay trong năm	(30.000.000.000)	(2.830.000.000)
Số dư cuối năm	-	20.000.000.000

4.17 Quỹ khen thưởng phúc lợi

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	12.721.705.293	12.578.946.869
Trích lập quỹ từ phân phối lợi nhuận	9.426.767.500	8.189.235.000
Sử dụng quỹ trong năm	(7.365.047.880)	(8.046.476.576)
Số dư cuối năm	14.783.424.913	12.721.705.293

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

4.18 **Vốn chủ sở hữu**

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Năm trước				
Số dư 01/01/2022	192.500.000.000	95.474.011.654	50.694.340.033	338.668.351.687
Lợi nhuận trong năm	-	-	51.793.228.184	51.793.228.184
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(8.189.235.000)	(8.189.235.000)
Chia cổ tức	-	-	(38.500.000.000)	(38.500.000.000)
Số dư 31/12/2022	192.500.000.000	95.474.011.654	55.798.333.217	343.772.344.871
Năm nay				
Số dư 01/01/2023	192.500.000.000	95.474.011.654	55.798.333.217	343.772.344.871
Lợi nhuận trong năm	-	-	32.838.689.244	32.838.689.244
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(9.426.767.500)	(9.426.767.500)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	10.358.645.636	(10.358.645.636)	-
Chia cổ tức	-	-	(34.650.000.000)	(34.650.000.000)
Số dư 31/12/2023	192.500.000.000	105.832.657.290	34.201.609.325	332.534.266.615

Các quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển và thù lao Hội đồng Quản trị và Ủy ban kiểm toán trong năm 2022 được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 vào ngày 27 tháng 6 năm 2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

4.18 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	2023 VND	2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	192.500.000.000	192.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	192.500.000.000	192.500.000.000
Chia cổ tức trong năm	34.650.000.000	38.500.000.000

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 vào ngày 27 tháng 6 năm 2023, cổ tức năm 2022 được chia theo tỷ lệ 18% (2021: 20%).

Cổ phiếu

- Cổ phiếu phổ thông

	31/12/2023	31/12/2022
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	19.250.000	19.250.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	19.250.000	19.250.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.250.000	19.250.000
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 VND/CP	10.000 VND/CP

- Cổ phiếu ưu đãi : không có

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu thuần

	2023 VND	2022 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán mũ cao su	91.507.174.963	45.642.555.000
Doanh thu gia công mũ cao su	2.017.658.400	5.120.941.000
Doanh thu bán chuối	34.750.642.600	55.268.376.607
Trừ: Doanh thu bán chuối phân bổ cho bên đối tác của HTKD	(1.216.800.000)	(10.180.233.000)
Doanh thu khác	2.464.291.800	1.506.188.140
	129.522.967.763	97.357.827.747
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	129.522.967.763	97.357.827.747

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

5.2 Giá vốn hàng bán

	2023 VND	2022 VND
Giá vốn bán mủ cao su	78.891.332.637	35.478.873.905
Giá vốn gia công mủ cao su	1.687.622.788	4.465.860.538
Giá vốn bán chuỗi	27.790.424.762	43.976.362.848
Trừ: Giá vốn bán chuỗi phân bổ cho bên đối tác của HTKD	(896.150.413)	(9.170.220.398)
Giá vốn khác	476.533.790	501.487.357
	<u>107.949.763.564</u>	<u>75.252.364.250</u>

Chi tiết giá vốn hàng bán theo yếu tố

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu	22.761.430.574	24.558.868.499
Chi phí nhân công	41.742.865.158	36.619.735.096
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.233.974.156	8.292.739.702
Chi phí dụng cụ sản xuất	12.788.027.590	12.679.499.554
Chi phí khác	10.176.257.391	14.872.189.375
Giá vốn phân bổ cho bên đối tác của HTKD	(896.150.413)	(9.170.220.398)
Chênh lệch sản phẩm dở dang đầu năm và cuối năm	(17.246.608.321)	2.264.911.967
Chênh lệch thành phẩm đầu năm và cuối năm	29.389.967.429	(14.865.359.545)
	<u>107.949.763.564</u>	<u>75.252.364.250</u>

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2023 VND	2022 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	12.121.179.238	8.610.539.043
Cổ tức được chia	12.322.484.535	24.281.481.907
	<u>24.443.663.773</u>	<u>32.892.020.950</u>

5.4 Chi phí tài chính

	2023 VND	2022 VND
Lãi vay	465.781.370	124.270.164
	<u>465.781.370</u>	<u>124.270.164</u>

5.5 Chi phí bán hàng

	2023 VND	2022 VND
Chi phí bốc xếp	78.491.500	23.126.675
Chi phí đóng gói	1.722.547.932	2.679.441.975
Chi phí khác	20.999.814	-
	<u>1.822.039.246</u>	<u>2.702.568.650</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.775.081.330	7.012.405.068
Vật liệu, dụng cụ thiết bị văn phòng	51.668.127	41.571.668
Chi phí khấu hao tài sản cố định	388.499.047	384.749.956
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	5.130.395
Trợ cấp thôi việc	249.137.000	76.102.125
(Trích lập)/hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	380.000.000	(22.364.000)
Chi phí khác	2.458.946.233	2.159.843.999
	11.306.331.737	9.657.439.211

5.7 Thu nhập khác

	2023 VND	2022 VND
Thu thanh lý cây cao su	3.939.672.500	21.117.897.235
Tiền bồi thường do thu hồi đất	3.470.558.334	-
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	(1.506.001.882)	(2.152.897.720)
Chi phí thanh lý tài sản	(398.890.191)	(213.412.727)
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	5.505.338.761	18.751.586.788
Thu khác	571.596.856	725.288.421
	6.076.935.617	19.476.875.209

5.8 Chi phí khác

	2023 VND	2022 VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định	90.267.280	737.564.412
Chi phí thuê đất	968.471.988	3.680.853.633
Chi phí phạt vi phạm hành chính	28.007.603	5.526.409
Chi phí khác	252.300.808	1.189.010
	1.339.047.679	4.425.133.464

5.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	37.160.603.557	57.564.948.167
Các khoản điều chỉnh để xác định thu nhập chịu thuế:		
Chi phí không được khấu trừ	338.007.603	305.526.409
Thu nhập không chịu thuế (cổ tức được nhận)	(12.322.484.535)	(24.281.481.907)
Lợi nhuận chịu thuế	25.176.126.625	33.588.992.669
Chi phí thuế TNDN được tính trên lợi nhuận chịu thuế năm hiện hành		
Trong đó:		
- theo thuế suất ưu đãi 10%	713.311.013	927.044.676
- theo thuế suất phổ thông 20%	3.608.603.300	4.863.709.183
Thuế nộp thừa các năm trước	-	(19.033.876)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.321.914.313	5.771.719.983

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

5.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2023	2022 (trình bày lại)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	32.838.689.244	51.793.228.184
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán (VND) (*)	(6.052.210.000)	(10.071.887.500)
Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	26.786.479.244	41.721.340.684
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19.250.000	19.250.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm/ được chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng trong năm	19.250.000	19.250.000
Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.392	2.167
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.392	2.167

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính 2022 đã được điều chỉnh lại để phản ánh khoản trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 27 tháng 6 năm 2023.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính 2023 được điều chỉnh giảm cho khoản quỹ khen thưởng phúc lợi dự kiến được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 27 tháng 6 năm 2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm: nông nghiệp và khác (chủ yếu là đầu tư)

Kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính : triệu VND

	Nông nghiệp		Khác		Cộng	
	2023	2022	2023	2022	2023	2022
Doanh thu bán cho bên ngoài	127.059	95.852	2.464	1.506	129.523	97.358
Giá vốn	(107.107)	(74.704)	(843)	(548)	(107.950)	(75.252)
Doanh thu tài chính	-	-	24.444	32.892	24.444	32.892
Chi phí tài chính	(466)	(124)	-	-	(466)	(124)
Lãi/(lỗ) khác	(21.327)	15.798	26.065	(746)	4.738	15.052
Kết quả bộ phận	(1.841)	36.822	52.130	33.104	50.289	69.926
Chi phí không phân bổ					(13.128)	(12.360)
Chi phí thuế TNDN					(4.322)	(5.772)
Lợi nhuận sau thuế					32.839	51.794
Chi phí mua sắm tài sản	11.804	8.829	-	-	11.804	8.829
Chi phí khấu hao	9.713	9.415	-	-	9.713	9.415

Tài sản và nợ phải trả theo bộ phận vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính : triệu VND

	Nông nghiệp		Khác		Cộng	
	31/12/2023	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2022
Tài sản bộ phận	193.732	199.191	172.998	204.818	366.730	404.009
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-
Cộng tài sản	193.732	199.191	172.998	204.818	366.730	404.009
Nợ phải trả bộ phận	34.195	60.237	-	-	34.195	60.237
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-
Cộng nợ phải trả	34.195	60.237	-	-	34.195	60.237

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý không được lập, và Công ty hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính :

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Công ty có các tài sản tài chính như : các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Đơn vị tính : Triệu VND

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2023	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2022
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.620	3.983	10.620	3.983
Đầu tư tài chính (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu)	140.900	168.700	140.900	168.700
Phải thu khách hàng	2.132	14.058	2.132	14.058
Phải thu khác	8.762	6.788	8.762	6.788
	162.414	193.529	162.414	193.529
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	1.493	1.037	1.493	1.037
Vay và nợ thuê tài chính	-	20.000	-	20.000
Các khoản phải trả khác	1.155	11.214	1.155	11.214
	2.648	32.251	2.648	32.251

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022. Tuy nhiên Ban Giám đốc ước tính giá trị hợp lý của những tài sản và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty có thể gặp phải các rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng.

- Rủi ro thị trường : Rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng và khi lãi suất giảm làm thu nhập tài chính của Công ty giảm.
- Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng giao dịch không thực hiện được các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng), tuy nhiên :

Phải thu khách hàng : Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được.

Tiền gửi ngân hàng : Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng đáng kể nào từ các tài khoản tiền gửi này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Thù lao thực hiện cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán và Ban Giám đốc trong năm như sau :

		2023	2022
		VND	VND
Họ và tên	Chức danh		
Ông Nguyễn Hữu Mạnh Nhường	Chủ tịch HĐQT	606.800.000	739.800.000
Ông Nguyễn Nhật Thành Lâm	Tổng Giám đốc kiêm Phó chủ tịch HĐQT	614.600.000	605.820.000
Ông Trần Hữu Trí	Kế toán trưởng	288.000.000	-
Ông Trần Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc	-	431.500.000
Ông Nguyễn Thanh Bình	Trưởng ban UBKT kiêm Thành viên HĐQT	107.300.000	76.800.000
Ông Nguyễn Văn Thoại	Thành viên HĐQT	37.800.000	76.800.000
Ông Đỗ Khắc Tùng	Thành viên HĐQT	75.800.000	76.800.000
Ông Phan Văn Phú	Thành viên HĐQT	75.800.000	76.800.000
Ông Phạm Anh Sơn	Thành viên UBKT kiêm Thành viên HĐQT	75.800.000	76.800.000
Ông Lê Trung Đức	Thành viên HĐQT	18.900.000	-
		<u>1.900.800.000</u>	<u>2.161.120.000</u>

8.2 Tiền thuê đất

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đang thuê đất của Nhà nước với tổng diện tích khoảng 2.188 ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp khoảng 2.182 ha và đất phi nông nghiệp khoảng 6 ha; tiền thuê đất được trả hàng năm theo thông báo của cơ quan thuế địa phương. Tiền thuê đất phải trả trong năm 2023 được nêu tại thuyết minh 4.13.

8.3 Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Tổng Giám đốc

TP. Bà Rịa, ngày 14 tháng 3 năm 2024

TRẦN HỮU TRÍ
Kế toán trưởng

ĐINH TẤN THÔNG TIN
Người lập